| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ P**<br>TỈNH GIA LAI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 12-7-2022
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Thưởng.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Ngô Xuân Dệt và bà Nguyễn Thị Bắc.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên toà:*** Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà 17/9, đường N, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 17/9, đường N, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 27-02-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị T và anh Nguyễn Hồng S tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 19 tháng 01 năm 2009. Trong quá trình chung sống, chị T và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vì tính tình không

hợp. Ngày 16-02-2016, anh Sơn đánh chị T bị bong đầu sụn trước xương ức, phải băng bó 02 tháng. Ngày 17-01-2022, anh S lại tiếp tục đánh chị T bị bầm tím ở đầu, tay và chân, nên Chị đã báo cho Công an phường T giải quyết, anh S đã viết bản cam kết không bạo hành nữa. Ngày 13-02-2022, anh S tiếp tục bạo lực đối với chị T, bằng việc nhổ tóc và châm thuốc là đang cháy vào trán của chị Thảo nên chị Thảo đã dùng kéo đâm trúng phần ngực của anh S. Sau đó chị T đã trình báo với Công an phường T giải quyết xong theo thủ tục dân sự. Hiện nay, chị T không còn tình cảm yêu thương anh S nữa nên xin được ly hôn.

Chị T và anh S có 03 con chung là: Nguyễn Sơn L, sinh ngày 13-01-2010; Nguyễn Hồng Th, sinh ngày 23-3-2012 và Nguyễn Nhã C, sinh ngày 18-10-2017. Ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi con là: Nguyễn Nhã C; giao cho anh S được trực tiếp nuôi 02 con là: Nguyễn Sơn L và Nguyễn Hồng Th. Chị T không yêu cầu anh Sơn cấp dưỡng cho con.

Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

*Bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Hồng S trình bày:* Về quan hệ hôn nhân như chị Nguyễn Thị T trình bày về thời gian và nơi đăng ký kết hôn là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Năm 2016, thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T thường xuyên bỏ nhà đi và ngoại tình với người đàn ông khác. Anh S đã tha thứ nhiều lần và đã cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt được. Hiện tại, anh S vẫn còn tình cảm yêu thương chị T; và với mục đích giữ hạnh phúc cho gia đình, chăm lo cho vợ và các con nên anh S không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con trưởng thành và phát triển khối tài sản chung hiện có.

Anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là: Nguyễn Sơn L, sinh ngày 13/01/2010; Nguyễn Hồng Th, sinh ngày 23/3/2012 và Nguyễn Nhã C, sinh ngày 18/10/2017. Nếu phải ly hôn, anh S yêu cầu Tòa án giao 03 con cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu chị T cấp dưỡng hằng tháng cho con, mỗi con là 1.500.000 đồng, cả 03 con là: 4.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2022 đến khi con thành niên.

Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn anh S, nhưng thay đổi về yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung là chị T tự nguyện giao 03 con cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng cho con, vì hiện nay chị T chưa có chỗ ở và công việc chưa ổn định. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, anh S không đồng ý lý hôn chị T, vì vẫn còn yêu thương chị T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để giữ hạnh phúc cho các con, không muốn các con phải xa nhau. Nếu phải ly hôn thì anh S xin được nuôi 03 con là: Nguyễn Sơn

L, Nguyễn Hồng Th và Nguyễn Nhã C, vì anh S có thu nhập ổn định 15.000.000 đồng/tháng từ nghề lái xe nên không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Chị Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Nguyễn Hồng S; yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Hồng S hiện nay có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P. Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng. Tòa án thu thập chứng cứ, việc cấp và tống đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng S. Giao cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con đến khi thành niên.

Chị T và S không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng cho con nên không xét đến.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Nguyễn Hồng S; yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên quan hệ pháp luật có tranh chấp là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Nguyễn Hồng S hiện nay có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và cấp xét xử.

[3] Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1991 và anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1987, hai người đã tự nguyện tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 19 tháng 01 năm 2009. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị T và anh S đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, không thuộc trường hợp cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh S là hợp pháp.

[4] Trong quá trình tham giam tố tụng, cũng như tại phiên tòa, chị T và anh S đều thống nhất về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp tính, không tin tưởng nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường

xuyên cãi vã và nhiều lần đánh đập nhau. Trầm trọng là ngày 16-02-2016, anh S đánh chị T bị bong đầu sụn trước xương ức, phải băng bó 02 tháng; ngày 17-01-2022, anh Sơn lại tiếp tục đánh chị T bị bầm tím ở đầu và tay, chân nên Chị đã báo cho Công an phường T giải quyết và anh S đã viết bản cam kết không bạo hành nữa; ngày 13-02-2022, anh S tiếp tục bạo lực đối với chị T, bằng việc nhổ tóc và châm thuốc vào trán của chị T nên chị T đã dùng kéo đâm trúng phần ngực của anh S. Sau đó chị T đã trình báo với Công an phường T giải quyết xong theo thủ tục dân sự. Từ ngày 16 tháng 02 năm 2022 đến nay, chị T không còn chung sống với anh S nữa và thực sự đã bỏ mặc nhau.

[5] Kết quả xác minh của Tòa án ngày 10-3-2022 tại địa phương nơi chị T và anh S cư trú là tổ 5, phường Trà Bá, thành phố Pleiku, biết được anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1987 có đăng ký hộ khẩu, sinh sống và thường xuyên có mặt tại số 17/9 N, tổ 5, phường T, thành phố P. Anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị T có mối quan hệ là vợ chồng sinh sống cư trú tại địa phương, nhưng vào ngày 17-01-2022 và ngày 13-02-2022 chị Nguyễn Thị T có đến trụ sở Công an phường T trình báo sự việc anh S có hành vi bạo hành đối với chị T nên Công an phường T đã mời anh S đến trụ sở Công an phường để làm việc và hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Từ đó đến nay Công an phường T không nhận được trình báo của chị T liên quan đến việc mâu thuẫn vợ chồng nữa.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị T không đồng ý đoàn tụ vợ chồng với anh S.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm [4] đến [5] nêu trên có căn cứ khẳng định chị T, anh S có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có cơ sở và được chấp nhận.

Lý do của anh S cho rằng anh còn yêu thương chị T, là không có căn cứ nên Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh Sơn về việc không đồng ý ly hôn chị T.

[6 Chị T và anh S có 03 con chung là: Nguyễn Sơn L, sinh ngày 13/01/2010; Nguyễn Hồng Th, sinh ngày 23/3/2012 và Nguyễn Nhã C, sinh ngày 18/10/2017.

Tại phiên tòa, chị T và anh S đã tự nguyện thống nhất giao 03 con cho anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Xét sự tự nguyện của các đương sự về nuôi con như trên là phù hợp với pháp luật và đáp ứng được nguyện vọng của con, cũng như khả năng về kinh tế của người được trực tiếp nuôi con.

[9] Chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xét đến.

[10] Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

*-Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39, 144, 147, 235, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*-Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*-Áp dụng các Điều: 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;*

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng S.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh S; theo nguyện vọng của con, giao cho anh Nguyễn Hồng S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con là: Nguyễn Sơn L, sinh ngày 13/01/2010; Nguyễn Hồng Th, sinh ngày 23/3/2012 và Nguyễn Nhã C, sinh ngày 18/10/2017 đến khi 03 con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0001390 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Người có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Chị Th và anh S được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 12 tháng 7 năm 2022.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật*

*Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND thành phố P;
- UBND phường Phù Đổng, TP.P;
-Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Thưởng**